V— CA-DAO VÀ DÂN-CA XỨ HUẾ

Trăng cao soi sáng cánh đồng,
Trăng rơi mặt nước trăng lồng nhành tre.
Đêm trường tiếng dế tỉ tê,
Đưa đường thục-nữ đi về cô thôn.
Về cô thôn mấy lần trăng sáng,
Mỗi bận đi về mỗi bận sáng trăng.

Gặt rồi đồng rạ trơ vơ,
Xẹo xiêng trơ gốc lơ thơ như chợ chiều ;
Em với anh một mến hai yêu,
Đồng không chẳng quản mà chợ chiều cũng không quên.

Dưới vườn dừa lưa thưa trăng sắp,
Mảnh chắp mảnh rời, em lặng lội trong trăng.
Lội trong trăng em băng qua cồn cát,
Xao xác bụi bờ man mác sương sa,
Sương sa thì mặc sương sa,
Chợ xa mùa đến cửa nhà phải lo.

Vì ai nên lá ngâu tàn,
Con ong say bởi nhị, con bướm xoàng vì hoa.

Nước không chân sao anh gọi rằng nước đứng,
Lửa không miệng sao anh gọi rằng lửa cười ?
Trai nam nhơn chàng mà đối đặng :
Em xin gọi rằng người tài ba.

Kim Luông tươi tốt vườn chè,
Gạo de An Cựu, dĩa muối mè cũng theo nhau.

Ngọn dừa bóng đổ mái tranh,
Thong-dong em mới hỏi anh đôi lời :
Ai làm anh phải xa em ?
Cho cây xa cội cho đêm xa ngày ?
Đêm với ngày em quay tơ chỉ thắm,
Sợi thẳng sợi dùn em căm giận ông Tơ.

Mặt trời ló khỏi đàng đông,
Cắp nón ra đồng, nhổ mạ đương tươi.
Mạ đương tươi cười trong nắng sớm,
Anh thắng trận về lúa chớm trổ bông.

Ngọc còn ẩn gốc cây ngâu,
Em còn phụ mẫu dám đâu tư tình.

Thân em như thể trái chanh,
Lắt léo trên cành nhiều kẻ ước mơ.

Cày bừa xới bón ruộng nương,
Tằm tơ canh cửi trăm đường lo âu.

Đói lòng ăn trái chà là,
Để cơm nuôi mẹ : mẹ già yếu răng.

Em là con gái Vạn-Niên,
Bán rau, mua bút, mua nghiên cho chồng ;
Nữa mai chồng chiếm bảng rồng,
Bỏ công tầm tưới, vun trồng cho rau.

Em nghe anh đau đầu chưa khá,
Em băng đồng chỉ sá, bẻ ngọn lá nọ về xông,
Ở mần ri đây cho trọn nghĩa vợ chồng :
Đổ mồ hôi ra em chậm, ngọn gió lồng em che.

Biển tình chìm nổi bối rối tư lương,
Thiếp với chàng như lửa với hương,
Một mai tê dù hương tàn lửa tắt,
Đạo nghĩa cang thường xin chớ bỏ nhau.

Tào khang chi thê bất khả hạ đường,
Bận tiện chi giao mạc khả vong;
Mặc dầu số kiếp long đong,
Ở cho hết dạ hết lòng với em.

Chim lạc bầy tìm cây nương cội,
Người lạc người tội lắm trời ơi!
Thà rằng không gặp thời thôi,
Gặp rồi mỗi đứa mỗi nơi sao đành!

Ai làm cho đó xa đây,
Cho chim chèo bẻo xa cây măng vòi?
Thà rằng chẳng biết thời thôi,
Biết rồi mỗi đứa mỗi nơi thêm sầu!

Tay bưng dĩa muối chấm gừng,
Gừng cay muối mặn xin đừng xa nhau.

Anh có thương em thì thương cho chắc,
Có trục trặc thì trục trặc cho luôn;
Đừng làm như con thỏ nọ đứng đầu truông,
Khi vui dỡn bóng, khi buồn dỡn trăng.

Chim xa rừng còn thương cây nhớ cội,
Người xa người tội lắm người ơi!
Thà rằng không biết thời thôi,
Biết rồi mỗi đứa mỗi nơi cũng buồn!

Đầu tôm nấu với ruột bầu,
Chồng chan vợ húp, gật đầu khen ngon.

Ai bưng cau trầu đến đó,
Xin chịu khó đem về,
Em đang theo chân thầy gót mẹ,
Để cho trọn bề hiếu trung.

Trời một vùng đêm dài vô hạn,
Mượn gió chiều hỏi bạn ngàn sông:
Thân em là gái chưa chồng,
Tơ duyên có chắc như giòng nước không?

Thuyền ai lơ lửng bên sông,
Có lòng đợi khách hay không hởi thuyền ?
Để ta kết ngãi nối duyên,
Trai anh hào gặp được thuyền quyên còn gì ?
Thuyền ai trôi trước cho em lướt tới cùng,
Chiều đã về, trời đất mông lung,
Phải duyên thì xích lại cho đỡ não nùng đêm sương.

Chiều chiều ra ngõ mà trông :
Ngõ thì thấy ngõ, người không thấy người.

Cầu Đông Ba dỡ ra làm lại,
Cầu Trường Tiền đúc lại xi-moong,
Đường đi lên xuống đã mòn :
Anh qua cửa ngõ không ghé thật rề con bạc tình !

Con chim đại bàng bay sang hòn núi bạc,
Con ngư vàng vẫy tận ngóng nước ngoài khơi,
Gặp nhau đây phân giải một đôi lời,
Kẻo mai kia con cá về bể bắc, con chim nọ lại đổi dời non xanh.

Cạn chén quan hà, tan giòng huyết lệ,
Sự tình này biết kể cùng ai đây,
Rượu quỳnh tương ai khéo phục cho bạn mê say,
Để cho thân em như con cuốc nọ lạc bầy,
Kêu đủ ba tháng mười ngày khô lại héo khô.

Anh nói với em như rìu chém xuống đá,
Như rạ (rựa) chém xuống đất, như mật rót vâo tai,
Nay chừ anh đã nghe ai ?
Bỏ em giữa chốn non đoài đã thảm chưa !

Cây đa là cây đa bến cũ,
Bến cũ là bến cũ đò đưa,
Ôi thôi rồi người khác sang đưa.
Thiếp nhìn chàng lẽo đẽo, nước mắt sa xuống như mưa hỡi chàng.

Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,
Sông An Cựu nắng đục mưa trong,
Bởi vì anh một dạ hai lòng,
Cho nên loan không bồng lấy phụng
Mà phụng cũng chẳng bồng đặng loan.

Kim Long dãy dọc tòa ngang,
Em chèo một chiếc xuồng nan về Sình,
Đôi đứa mình lỡ hẹn ba sinh,
Có mần răng đi nữa cũng trọn tình với nhau.

Thang mô cao bằng thang danh vọng,
Nghĩa mô trọng bằng nghĩa vợ chồng !
Trăm năm nước chảy đá mòn,
Xa nhau ngàn dặm, dạ vẫn còn nhớ nhung.

Chim Liễu nó biểu chim Quỳnh,
Biểu to biểu nhỏ biểu mình thương tui.

Ơi O nho nhỏ bức cỏ hái dâu,
Bước qua năm nữa tui bưng trầu cưới O.
Ai bưng cau trầu đến đó xin chịu khó bưng về,
Em đây còn theo chưn thầy gót mẹ cho trọn bề hiếu trung.

Anh có thương tui thì thương cho chắc,
Có trục trặc thì trục trặc cho luôn.
Đừng như con thỏ nọ đứng đầu truông,
Khi vui dỡn bóng, khi buồn dỡn trăng !

Trái lòn bon trong tròn ngoài méo,
Trái thầu đâu trong héo ngoài tươi.
Em thương anh ít nói ít cười,
Quyết lòng chờ đợi chín mười con trăng !

Thư dưới gửi lên, thư trên gửi xuống,
Em đang ăn đang uống, em bỏ đũa xuống xem thơ.
Xem rồi nước mắt ướt hết nửa tờ,
Ai phân chồng rẽ vợ cho đôi bờ xa xôi.

Nước mắm ngon dằm con cá đối.
Nhắn với nàng đợi tối anh qua.

Của chua ai thấy cũng thèm,
Em cho chị mượn chồng em vài ngày.
Chồng em nào phải trâu cày,
Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm ?

Anh về ngoài Huế lâu vô,
Họa bức tranh đồ để lại cho em.
Anh về ngoài Huế thắt rế tai bèo,
Gởi vô em bán đỡ nghèo đôi năm.

Tai em nghe anh nói đau đầu chưa khá,
Em bằng đồng chỉ sá đi bẻ nặm lá nọ về xông.
Ở mần ri đây cho trọn nghĩa vợ chồng,
Đồ mồ hôi ra em chặm, ngọn gió lồng em che.

Công anh đắp đất ngăn rào,
Bắt sâu, gánh nước tưới vào vườn hoa,
Ai làm gió táp mưa sa,
Cho cây anh đổ, cho hoa anh tàn.

Anh xa em ra chưa đầy một tháng,
Nước mắt em lai láng hai tám đêm ngày,
Bao giờ nước ráo Đồng Nai,
Sông Gianh bớt chảy mới phai lời nguyền !

Đêm qua đốt đỉnh hương trầm
Khói lên nghi ngút âm-thầm lòng ai.

Con chim nho nhỏ cái mỏ hắn vàng,
Hắn đứng trước cửa tam quan,
Hắn kêu hỏi bác lính khố vàng,
Chớ có ham nơi giầu sang sắc mặt mà phụ phủng duyên em.

Con chim đại-bàng bay ngang hòn núi bạc,
Con cá Ông Voi nó khạc nước ngoài khơi.
Anh gặp em đây phân giải một đôi lời,
Kẻo một mai chim kia cá nọ đổi đời không gặp nhau.

Chim xa rừng còn thương cây nhớ cội,
Người xa người tội lắm người ơi!
Thà rằng không biết thì thôi,
Biết rồi mỗi đứa mỗi nơi cũng buồn.

Chim quyên ăn trái nhãn lồng,
Lia thia quen chậu vợ chồng quen hơi.

Áo giắt vai chạy dài xuống phủ,
Em có chồng rồi anh biết ngủ với ai?

Thiếp xa chàng hái dâu quên giỏ,
Chàng xa thiếp cắt cỏ quên liềm.
Xuống sông gánh nước hũ chìm gióng trôi.
Nhọc lòng khổ lắm ai ơi,
Hũ chìm kiếm được gióng trôi phương nào.

Thân em như củ ấu gai,
Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen.
Ai ơi! nếm thử mà xem,
Nếm ra mới biết rằng em ngọt bùi.

Gió đưa ngọn cỏ phất phơ,
Ngọn cờ phơ phất,
Nồi đồng sôi, nồi đất cũng sôi,
Đũa bếp có đôi
Chìa vôi lẻ bạn
Mà anh sao đành đoạn bỏ em.

Mẹ già như chuối bà hương,
Như xôi nếp một, như đường mía lau:
Mía lau vừa ngọt vừa mềm,
Không dao mà tiện, không tiền mà mua.



HÁT RU CON

Ru con con thét cho muồi,
Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu,
Mua vôi chợ Quán (1) chợ Cầu (2)
Mua cau Nam-Phổ (3) mua trầu chợ Dinh (4)
Cá tôm mua tại chợ Sình (5),
Triều Sơn (6) bán nón, Bao Vinh (7) bán đường.

Hết gạo đã có Đồng Nai,
Hết củi đã có Tân Sài (8) chở vô.

Hôm nay ăn mía Triệu Tường (9),
Đợi mắm Nam-Ô (10), đợi đường Phú Yên.

Ra đi mẹ đã dặn lòng,
Chanh chua mua lấy, ngọt bòng đừng tham.

Ai về cầu Ngói Thanh Toàn (11)
Cho em về với một đoàn cho vui.

---

(1) (2) Chợ Quán, Chợ Cầu ở huyện Phú Vang

(3) (4) Chợ Nam-Phổ, Chợ Dinh Ông : hai chợ này cách nhau bởi con đò Chợ Dinh chèo qua sông Hương. Nơi cầu Nam-Phổ hằng năm có chợ Gia-Lạc họp vào dịp Tết, trước nhà thờ Quận-Vương Định-Viễn.

(5) (6) Chợ Sình ở làng Lại Anbện kia sông Bao-Vinh.

(7) Chợ Bao-Vinh ở làng Thế-Lại, huyện hương Trà. Chợ Triều Sơn ở làng Triều-Sơn, An Hòa, gần làng Hương Cần, huyện Hương-Trà.

(8) Tân Sài thuộc Quảng-Trị.

(9) Triệu-Tường thuộc tỉnh Thanh-Hóa là nơi phát-thích nhà Nguyễn,

(10) Nam-Ô ở phía bắc Đà-Nẵng, gần ga Liên-Chiểu.

(11) Cầu Ngói ở làng Thanh Thủy, do bà nam-tước Trần-Thị-Đạo xây lên vào khoảng 1776. Cầu gồm có 3 vày, đặt trên 18 cột gỗ lim, mái lợp ngói âm.

Gái làng Xuân
Đi chợ Hạ
Mua cá Thu về
Chợ hãy còn Đông.

Lúc lắc bầu Tây,
Rót chén rượu Đông,
Sai lời biển Bắc
Khá để mặn nồng non Nam.

Buổi mai quảy gánh thịt,
Ra đi đường trơn như mỡ,
Chiều lại về ngồi gốc cây da,
Trăng lên gió lạnh như dà tận xương.

Đi đất thịt đường trơn như mỡ
Ngồi cây da gió mát tận xương.

Con chim xanh xanh ăn trái xoài xanh,
Ăn no tắm mát đậu ngành dâu da,
Cực lòng em phải nói ra,
Chờ trăng trăng lặng chờ hoa hoa tàn.

Họa hổ họa bì nan tri họa cốt,
Tri nhơn tri diện bất tri tâm,
Ôi thôi rồi thiếp đã lỡ lầm,
Chàng đà bạc nghĩa thiếp ôm cầm mần chi !

Bước tới vườn hoa sao vườn hoa sớm nở ?
Bước tới chợ sao chợ sớm đông ?
Anh trách em sao vội lấy chồng,
Để anh chờ đợi biết mặn nồng cùng ai ?



VI — CÁC CÂU HÒ

HÒ GIÃ GẠO

Gái — *Tiếng đồn anh hay chữ,*
Em xin hỏi thử vài câu :
Ngày xưa kia Ông Đường Minh Hoàng,
Ông Hạng Võ đeo sầu vì ai ?

Trai — *Sở Hạng Vương anh-hùng cái thế;*
Đường Minh Hoàng trí tuệ vô song
Cũng vì Dương Quý Phi cùng nàng Ngu Thị
Để cho suy vong nước nhà.

Gái — *Nghe danh anh học hành thi đỗ,*
Giảng cho em chuyện cổ nghe chơi :
Ai tài hay rút đất, ai luyện đá vá trời ?
Anh mà nói được em xin trao lời nợ duyên.

Trai — *Chuyện Tam hoàng Ngũ đế*
Đây còn kể như chơi;
Huống chi Phí Trường-Phòng rút đất,
Nữ-Oa luyện đá vá trời,
Nói ra em phải nhớ lời,
Phải duyên phải nợ ta kết đôi bạn vàng.

Gái — *Anh cho em hỏi, anh nói cho ra,*
Trăng bao nhiêu tuổi trăng già?
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non ?

Trai — *Khó chi câu hỏi mà nói không ra,*
Nguyệt lão là nghĩa trăng già,
Thanh sơn bất lão gọi là núi non.

Gái — *Đêm hăm lăm tháng hai năm Mão,*
Quanh trường giã gạo giữa chốn ba quân,
Bạn mày râu ai giỏi quốc-văn ;
Vô đây tranh giải với bạn thoa quần thử chơi.

Trai — *Gái Tây-Thi chẳng ai bì nước Việt,*
Gái Văn Khương ở miệt nước Tề,
Nụ cười cô gái thôn quê,
Đến đây cô dám trổ nghề văn chương.

Gái — *Điệu hồ khoan, em vừa nghe anh hát,*
Điệu mái nhì, em xin hát anh nghe ;
Mặc ai hay dở khen chê,
Dở hay ta giữ dạ, chớ hề đơn sai !

Trai — *Khen với chê là nghề khán giả,*
Dở với hay nhờ bút hạ trường quan,
Giải thưởng treo có bạc có vàng,
Có anh Tư-mã phải có nàng Văn-quân.

Gái — *May mô mà gặp người quân-tử,*
Xin cho thục nữ hỏi thử vài câu :
Xôn xao kẻ trước người sau,
Giữa chợ phiên qua lại, ai sầu ai vui ?

Trai — *Bạn thuyền quyên hỏi chi câu nớ ?*
Trai anh hào nghe đã khó nghe,
Buồn là buồn « qua » chưa có hiền thê,
Vui là vui cho « bậu » tuổi cập kê kén chồng,

Gái — *Nghe anh làu thông lịch-sử,*
Em xin hỏi thử đất Nam-Trung :
Hỏi ai Gia-định tam hùng ?
Mà ai trọn nghĩa thủy chung với Cao Hoàng ?

Trai — *Ông Tánh, Ông Nhân cùng ông Huỳnh-Đức ;*
Ba ông hết sức phò đức Cao-Hoàng,
Nổi danh Gia-định tam hùng ?

Trọn tiết thủy chung có ông Võ-Tánh,
Tài cao sức mạnh trọn nghĩa quyên sinh
Bước lên lầu bát giác thiêu mình như không.

Gái — *Chén rượu vơi vơi kính mời phu tướng,*
Giã miền non nước nhẹ bước tung chinh,
Cầu cho biển lặng tăm kình,
Cho chàng trở lại quê mình gặp nhau.

Trai — *Nỗi tương ly, lòng chàng như thiếp,*
Duyên tái hiệp, dạ thiếp cũng như chàng
Một đôi năm đây tiếng trống khải hoàn.
Nước nhà thống nhất ngọn cờ vàng phất phơ.
Non sông phẳng lặng như tờ,
Anh đây đã tròn nhiệm vụ,
Em cũng thỏa đợi chờ ước ao.

Gái — *Một dãy nước trong, trên giòng Bến-Hải,*
Con đò qua lại, tình ngãi dẻo dai,
Sự sanh sanh sự vì ai ?
Theo nơi vĩ-tuyến rạch đôi sơn hà?

Trai — *Vì nạn đao binh nên sanh linh tàn hại,*
Hội Giơ neo hòa giải tìm ranh giới chia đôi,
Bắc Nam cát cứ tạm thời
Khi dẹp oai Thang Vũ, lại thấy đời Thuấn Nghiêu.

ƯNG BÌNH THÚC GIẠ

HÒ GIÃ GẠO

NỮ — *Giữa chợ phiên có điều lạ lạ,*
Có dân quê giã gạo hò khoan ;
Hay đâu có thiếp có chàng,
Thuyền-quyên quân-tử hai đàng gặp nhau.

NAM— *Chợ phiên đây không có dây bà Nguyệt,*
Xe duyên xe nợ chửa biết làm sao ;
Thuyền quyên mới gặp anh-hào,
Một đôi câu nhân-nghĩa, hát chào nhau chơi.

NỮ — *Điệu hò-khoan em nghe anh hát.*
Câu mái đẩy em xin hát anh nghe.
Mặc dầu ai có khen chê,
Dở hay tay giữ dọ, chớ hề đơn sai,

NAM— *Khen với chê là nghề khán-giả,*
Dở với hay xin hạ bút trường-quan.
Giải thưởng treo có bạc vó vàng,
Có anh đây là Tư-Mã, lại có nàng là Văn-Quân.

NỮ — *May mô may, gặp người quân-tử,*
Xin cho tiện-nữ hỏi thử vài câu,
Xôn xao kẻ trước người sau,
Giữa chợ phiên qua lại ai sầu ai vui ?

NAM— *Bạn thuyền-quyên, hỏi chi câu nớ?*
Trang hào-kiệt nghe đà khó nghe.
Buồn là buồn cho qua chẳng có hiền-thê,
Vui là vui cho bậu cập-kê đang kén chồng.

NỮ — *Ai có chồng ai không có vợ,*
Chữ duyên chữ nợ, xin chớ nói đè chừng.
Tuổi em đây hãy còn xuân,
Dạo chơi giữa chốn ba quân em kiếm chồng.

NAM— *Mày liễu mặt hoa, gọi là sắc gái,*
Văn hay võ giỏi mới gọi tài trai.
Chợ phiên rày cô đã dạo chơi,
Hỏi thăm cô đã chấm đặng người mô chưa ?

NỮ — *Nói rằng chưa, thời tôi chưa muốn nói,*
Thưa rằng có, thời tôi nọ muốn thưa.
Dầu cho năm lọc bảy lừa,
Duyên Đằng không thuận nẻo, gió đưa biết răng chừ.

NỮ — *Chợ Ngô-Thành tiếng tiêu ai thổi ?*
Chợ Hoài-Âm ai lòn lỏi thiếu-niện ?
Ngày nay ai đến chợ phiên,
Nhớ xưa danh-sĩ danh-hiền là ai ?

NAM — *Chợ Ngô-Thành tiếng tiêu ông Ngũ-Tử.*
Chợ Hoài-Âm là lịch-sử chú Vương-Tôn.
Hai tay quốc-sĩ tiếng đồn,
Chuyện xưa sách cũ, e cô gái khuê môn đã thuộc lòng.

ƯNG-BÌNH THÚC GIẠ

NAM — *Sự bất đắc dĩ, sự bất đắc dã,*
Khi xưa thầy mẹ bán gả cho anh,
Nay chừ bán gả cho ai,
Anh thở dài ra đứng gốc cây cừa,
Hai hàng nước mắt như mưa,
Cái khăn lau không ráo,
Vạt áo chặm không khô,
Công anh đổ xuống ao hồ,
Qùy thưa bẩm dạ thuở mô đến chừ !

NAM — *Muốn qua Giang-tả cầu hôn,*
Ghé vô thăm Quốc cựu sợ Tôn-Quyền phục binh.

NỮ — *Tôn-Quyền phục binh đã có Khổng-Minh chi kế,*
Anh thương em rày liệu thế làm sao ?
Chớ đem em mà bỏ ngoài rào,
Kéo neo mà chạy biết nơi nào anh hỡi anh !

NỮ — *Bán dạ tam bôi tửu,*
Bình minh nhất trản trà,
Anh xa em chớ trách mẹ với hờn cha,
Vì anh xảo ngôn mê sắc,
Đắm nguyệt say hoa mà phụ tình.

NAM — *Thiên-lý giang sơn thiên-lý nguyệt,*
Nhất tâm hoài vọng nhất tâm sầu,
Thiếp với chàng nghĩa nặng ơn sâu.
Không lẽ vì say hoa đắm nguyệt, mà quên nhau sao đành !

NỮ — *Một lẻ củi săng. chẻ ra văn vỗ,*
Bỏ vô lửa đỏ, than lại thành than.
Trai nam-nhân chàng mà đối đặng,
Thiếp xin kết nghĩa tào-khang trọn đời.

NAM — *Trâu ăn giữa vạc lúa lỗ*
Đá nguy chưa tề !
Nam nhân chàng đã đối đặng
Thiếp đã chịu theo chàng hay chưa ?

NỮ — *Căn duyên chi thiếp,*
Số kiếp chi chàng,
Đêm năm canh lặn lội.
Dưới suối vàng cực thân.

NAM — *Sinh ư nghề, tử ư nghiệp,*
Thiếp chớ khá dễ khinh chàng,
Chàng đây vung khu một cái,
Cũng bằng thiếp buôn hàng cả năm.

NAM — *Đứng núi này trông qua núi nọ :*
Thấy bao la cây cổ-thụ,
Nào là lúp xúp kìa sim me tràm chũi
Mây, nứa, tranh, giang,
Thú chi em mình làm bạn cùng
Hươu nai chồn thỏ voi cọp trăn mang.
Qua khe, lặn suối, leo núi, băng ngàn.
Đã đành nương theo nghề mai củi chiều than,
Còn công hầu dường như giấc mộng, dạ chẳng mơ màng mảy may.

(Ngư-tiều vấn-đáp)
(VÔ-DANH)

NHỮNG CÂU
HÒ MÁI ĐẨY

BIẾT AN PHẬN

An-phận thân vô nhục,
Tri-cơ tâm tự nhàn;
Đám phù-vân chấp chóa bóng giàu sang,
Chớ trông mong cho khoẻ bụng,
Cứ chàng ràng mãi mất công.

NHỚ CẢNH HUẾ

Anh đã từng vô Nam ra Bắc.
Thấy nhiều nơi cảnh sắc cũng xinh;
Đi đâu mình cũng nhớ mình,
Nhớ sông Hương gió mát, nhớ non Bình trăng trong.

NƯỚC SÔNG HƯƠNG

Nước sông Hương cá mương là thổ sản,
Lội từng bầy ăn cạn dọc bờ sông;
Ai về nhắn với ngư ông:
Chớ đem ra mà bán, nửa đồng họ chẳng mua.

LÊN HỎI TRỜI

Gần nhà mà xa cửa ngõ,
Cho chộ (thấy) mà nõ cho ăn,
Trời cao dẫu mấy mươi tầng,
Cũng bắc thang lên mà hỏi, bởi làm răng rứa ông Trời?

PHÂN BÌ VỚI TRỜI

Kẻ nông tang, than van trời hạn,
Người buôn bán, thán oán trời mưa;
Trời còn lắm kẻ không ưa,
Huống chi là em bậu, sao cho vừa bụng anh.

PHẢI BIẾT NGƯỜI BIẾT CỦA

Nước chảy một sông, có nơi trong chỗ đục,
Mười không như chục, có kẻ tục người thanh ;
Ai ơi phải ngó cho rành :
Chớ cho đồ đất đồ sành cũng như nhau.

Thảo-Am
NGUYỄN-KHOA-VY

HÒ MÁI NHÌ

Biết ở đâu là cầu Ô-thước ?
Mênh mông nguyện-ước, dưới nước trên trời.
Đêm khuya ngớt tạnh mù khơi,
Khúc sông quạnh vắng có người sầu riêng.

Nước đầu cầu, khúc sâu khúc cạn,
Chèo qua Ngọc-Trản, đến vạn Kim-Long.
Sương sa gió thổi lạnh lùng,
Sóng xao trăng lặn gây lòng nhớ thương.

Tiếng hát ngư-ông, giữa sông Bành-Lệ,
Tiếng kêu đàn nhạn, giữa áng Hoành-dương.
Một mình em đứng giữa sông Hương,
Tiếng ca du-nữ đoạn trường ai nghe ?

Nước chảy xuôi, con cá buôi lội ngược,
Nước chảy ngược, con cá vượt lội ngang.
Thuyền em xuống bến Thuận-An.
Thuyền anh lại chảy lên ngàn, anh ơi !

Bến chợ Đông-Ba, tiếng gà gáy sáng.
Bên làng Thọ-Lộc, tiếng trống sang canh.
Giữa sông Hương, dợn sóng khuynh-thành.
Đêm khuya một chiếc thuyền tình ngửa nghiêng.

ƯNG BÌNH THÚC GIẠ

Đục với trong, mười hai bến nước,
Gió xuôi rồi ngược, chèo chẳng đến nơi.
Động Đào cũng muốn vô chơi,
Biết đâu cho gặp ông chài hỏi thăm.

Thương thời thương, chẳng thương thời chớ,
Làm chi lỡ dở, như hẹn nợ thêm buồn.
Bên chùa đã động tiếng chuông,
Gà thượng-thôn đã gáy, chim nguồn đã kêu.

Ướt áo xanh, lụy tình Tư-mã,
Khạch thiên nhai vẫn lạ mà quen.
Nước non ai kẻ bạn hiền,
Biết ai ly-phụ giữa miền sông Hương?

Núi Đầu-Mâu cao bao nhiêu trượng,
Sông Linh-Thủy sâu bấy nhiêu tầm.
Dừng thuyền đợi khách tri-âm,
Lệ-Sơn với giải Minh-cầm không xa.

Thở với than, nghe càng thêm bận,
Không than không thở, thêm giận thêm phiền.
Con còng-còng xe cát làm viên,
Anh thương em lắm có tuyền đặng không?

Cánh chuồn-chuồn nhởn nhơ trên mặt nước,
Tiếng ve-ve vang dậy cả phương trời.
Con còng-còng dại lắm ai ơi,
Còng lưng xe cát, sóng dồi lại tan.

ƯNG BÌNH THÚC GIẠ

VỢ TIỄN CHỒNG ĐI TÒNG-CHINH

Vợ. — *Chén rượu vơi vơi, kính mời phu-tướng,*
Kìa non nọ nước, nhẹ bước tòng-chinh,
Biết bao giờ biển lặng tăm kình,
Cho anh trở lại Xuân-thành, anh ơi!

Chồng. — *Thân yêng, như con chim quyên không nơi đậu,*
Giả lơ em bậu, bôn-tẩu phong-trần.
Bao giờ gặp hội phong-vân,
Thêm lông đủ cánh, dặm thành Xuân yêng trở về.

Vợ. *Nỗi tương-ly, lòng chàng như thiếp,*
Duyên tái-hiệp, dạ thiếp cũng như chàng ;
Mong sao tiếng trống khải-hoàn,
Phong-hầu anh quẩy ấn vàng lại quê.

Chồng. — *Nợ nam-nhi, tứ-phương hồ-thỉ,*
Ai ai lại nỏ có chi phong-hầu.
Khải-hoàn đây chẳng bao lâu,
Lứa đôi ta lại đổi sầu làm vui.

o0o

HỜ MÁI NHÌ

Núi Ngự-bình mơ màng trăng gió,
Niềm tâm-sự ai thấu rõ cho mình ;
Đoái nhìn sông Hương nước chảy thanh thanh,
Sông bao nhiêu nước, dạ em si-tình bấy nhiêu.

Núi Ngự-Bình trước tròn sau méo,
Sông An-Cựu nắng đục mưa trong ;
Mặc ai một dạ hai lòng,
Em ôm duyên thủ-tiết loan-phòng đợi anh.

Nước trong xanh bên thành con yến trắng,
Thẳng cánh bay tới cõi xa-xăm.
Anh đi mô không bóng không tăm,
Năm canh em đợi ruột tằm héo hon.

Một vũng nước trong, mười giòng nước đục,
Một trăm người tục, một chục người thanh.
Biết đâu gan ruột gởi mình ?
Mua tơ thêu lấy tượng Bình-Nguyên-Quân.

Thiên sinh nhơn, hà nhơn vô lộc,
Địa sinh thảo, hà thảo vô căn ;
Một mình em ngồi giữa lòng thuyền dưới nước trên trăng,
Biết ai trao duyên gởi nợ cho bằng thế gian ?

Nhựt mang mang hề bất kiến tiêu tức,
Dạ trầm trầm bất kiến vãng lai,
Em có thương thì phải nguyện như ai ;
Chớ có thấy non cao mà sấp mặt,
Chớ có thấy biển rộng sông dài mà xây lưng.

Chiều chiều trước bến Văn-Lâu,
Ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm ?
Ai thương ai cảm, ai nhớ ai trông ?
Thuyền ai lấp ló bên sông,
Nghe câu mái đẩy trạnh lòng nước non.

Cầu Trường-tiền sáu vài mười hai nhịp,
Anh qua không kịp tội lắm em ơi !
Nghĩa tào-khang ai mà vội dứt, đêm nằm tấm-tức
lụy nhỏ tuôn rơi,
Bấy lâu ni chịu tiếng mang lời,
Dẫu có xa nhau đi nữa, cũng bởi ông Trời mà xa.

VÔ DANH

Con chim xanh xanh ăn trái xoài xanh,
Ăn no tắm mát đậu ngành dâu da ;
Cực lòng em phải nói ra,
Chờ trăng trăng lặn, chờ hoa hoa tàn.

Họa hổ họa bì, nan tri họa cốt,
Tri nhân tri diện bất tri tâm ;
Ôi thôi rồi, thiếp đã lỡ lầm !
Chàng đà bạc-nghĩa, thiếp ôm cầm mần chi.

Tiền-tài như phấn thổ,
Nghĩa trọng như thiên-kim ;
Con le le mấy thuở chết chìm,
Người bất-nhân bạc-nghĩa khôn tìm làm chi !

Bước tới vườn hoa sao vườn hoa sớm nở ?
Bước tới chợ sao chợ sớm đông ?
Anh trách em sao vội lấy chồng :
Để anh chờ đợi biết mặn nồng cùng ai ?

Đêm khuya anh nghe con nhạn kêu sương,
Anh buồn, anh thương, anh trông, anh giận,
Anh vơ vơ vẩn vẩn dưới ngọn đèn tàn,
Từ đây tâm dạ anh hoang mang,
Biết cùng ai kết nghĩa đá vàng trăm năm ?

Chợ Đông-Ba đem ra ngoài giại,
Cầu Trường-tiền đúc lại xi-moong,
Ơi người lỡ hội chồng con,
Để ta kết nghĩa vuông tròn được chăng ?

VÔ DANH

Rồng chầu ngoài Huế !
Ngựa tế Đồng-nai ;
Sông sâu nước chảy hoài hoài,
Thương người xa xứ lạc loài đến đây.

(VÔ DANH)

Tâm sự chát chua biết ai mua mà bán,
Rao khắp chợ đời không thấy dạng người mua.
Bán buôn là chuyện bông đùa,
Đành ôm tâm-sự chát chua ra về !

Nghệ-sĩ BỬU LỘC

Con chim xanh xanh đậu ngành cây khế,
Em thương một người ngoài Huế mới vô.
Buồn tình ơi hởi buồn tình !
Có ai đi Huế cho mình gởi thơ.



VII — CÁC ĐIỆU CA HUẾ

I — LƯU THỦY

Kể từ ngày gặp nhau,
Trao lời hẹn cho vẹn vàng thau,
Dây tơ mành ràng buộc lấy mình,
Đêm thu rạng, xui mình chạnh nhớ,
Cảm thương người, ngậm ngùi ba thu,
Ấy vì ai, canh dài đêm thâu,
Xa cách nhau đêm nằm thấy,
Thấy, thấy, thấy chiêm-bao...
Chiêm-bao lại vấn vương bên mình,
Mình dực mình đòi cơn,
Biết sao đặng, keo sơn mọi đường,
Tình thương,
Tư lương đoạn trường,
Song cũng nguyện cho vẹn can trường,
Ai đen bạc cũng mặc lòng ai,
Khuyên cùng bạn chớ phụ trúc mai,
Đá non mòn chi sờn dạ ngọc...

o0o

Mình, một mình ngồi trông.
Bên non Tề, dựa kề dòng sông.
Xa, xa chồng, nên nỗi trông chồng.
Hai hàng lụy, hai hàng lụy ứa.
Ứa hai hàng, lụy càng chứa chan.
Chốn trường-giang, phương trời mênh-mang.
Mang, mênh mang, trông rồi thấy,

Thầy, thầy quan san
Thầy chim nhạn, xa xa dặm ngàn.
Sự tình bên mình ngổn ngang.
Trách con Tạo chi chi phụ-phàng.
Vì đâu, nên câu đoạn trường.
Châu, châu lụy, châu lụy khôn hàn.
Trăm nghìn giận, càng giận càng thương.
Như lời hẹn, đừng thẹn tấc gang.
Gánh cương thường xa đường phải nặng.

2— HÀNH-VÂN

Nhạn ven trời, nhạn ven trời,
Én liệng ngoài khơi.
Cầu Ô-Thước, ta bước sang chơi, ấy nơi tình tự:
Về non Giáp, trông dòng Tương.
Sóng rợn rồi sao, nỗi đợi chờ, thêm càng thương nhớ.
Vòng nợ duyên, vòng nợ duyên,
Ngọc Lam-điền, hiệp đoàn loan-phụng,
Hội Thần-tiên, thần-tiên.
Bông-đào, bông lý, ấy nhụy bông hường,
Thơm nức bên tường, ấy mùi hương, mùi hương.
Gẩy nhịp đàn, dâng cầu quỳnh-tương,
Tơ tình lăng líu, líu lăng vì sợi tơ vương.

oOo

Cảnh Thanh-bình Cảnh Thanh-bình
Xinh thiệt là xinh
Nhìn đây đó, hương gió thanh-thanh
Quang vinh rạng-rỡ
Đường ngay chính ta cùng đi vai lại kề vai
Sống cuộc đời muôn người như một
Đường tiến đạt, đường tự-do
Xây dựng cơ đồ...
Bảo tồn quốc thổ
Đượm màu hoa quốc-gia

Lòng tha-thiết dân Việt kiêu hùng
Cháu Lạc con-Hồng
Một lòng chung thành công
Kết giải đồng nhân, dân hằng mong
Tinh-thần tranh-đấu
Khí thiêng làm rạng non sông.

VUI ĐỜI THÔN-DÃ

Rạng chưn trời
Rạng chưn trời
Thức dậy ơi chàng ơi !
Cơm vài bả bát
Tô nước xanh tươi
Sớm mai dùng bữa
Ngoài xa vẳng
Tâm hồn ta
Mang nặng tình quê
Mặc thói đời chê cười phê tặng
Đời an phận người tự do
Sống giữa sơn hà
Mặt người lam-lũ
Dạ hiền lương... là hơn
Cùng năm tháng
Sương nắng chi sờn
Lúa tốt khoe vàng
Vợ cùng con... hân hoan
Vái đất trời gió mưa thuần an
Ta cày ta cấy
Khuyên ai đừng bỏ đất hoang.

3.— NAM-BÌNH

Thương nhau vì nợ tri-âm,
Mối tình thâm!
Buộc ràng đây đó,
Vẫy cuộc ca ngâm,
Dưới trần, như đã riêng phần,
Để riêng phần!
Mặc duyên may, hay là nợ với nần,
Chi bằng ưa ý,
Nợ hay duyên, hỏi người thanh-khí,
Ai là kẻ xoay vần?
Tuổi xuân xanh, chưa từng cái nợ phong trần,
Vướng chi vào cuộc ái ân,
Càng cay đắng, đắng cay muôn phần.
Được như lời ước mong,
Cho thỏa tình tư tưởng
Tưởng rồi trông,
Ngồi tựa bên song,
Thỏa mùi bông,
Vấn vương tơ lòng.
Ơi người Việt ơi!
Gặp khi thời lai...
Ngọn đèn kiến thức
Bừng rạng muôn nơi
Trí tài đua kịp theo người
Kịp theo thời sánh chung vai...
Cho xứng mặt giống nòi
Sống đời khang thái...
Bước quang vinh ta càng hăng hái
Thêm vững thêm dài
Hết chông gai... tung cánh bằng

Bay lượn khắp trời.
Nhân dân chờ một tương-lai...
Mừng nay đến... đến trong mọi người
Vững một niềm an vui...
Đô-Thị cùng thôn dã đặng hòa hai
Rạng ngời ánh mai... cảnh càng tươi
Ý dân là ý trời.

oOo

HUYỀN-TRÂN CÔNG-CHÚA

Nước non ngàn dặm ra đi,
Cái tình chi ?
Mượn màu son phấn
Đền nợ Ô Ly,
Đắng cay vì
Đương độ xuân thì,
Độ xuân thì !
Cái lương duyên, hay là cái nợ duyên gì ?
Má hồng da tuyết,
Quyết liều như hoa tàn trăng khuyết,
Vàng lộn theo chì !
Khúc ly-ca,
Sao còn mường tượng nghe gì !
Thấy chim hồng nhạn bay đi,
Tình lai-láng, bóng như hoa-quì . . .
Dặn một lời Mân-Quân,
Nay chuyện mà như nguyện,
Đặng vài phân,
Vì lợi cho dân,
Tình đem lại mà cân,
Đắng cay muôn phần !

GỐI LOAN TRẰN TRỌC...

Gối loan trằn trọc năm canh,
Mối sầu đoanh,
Lụy hồng lai láng
Vì nợ ba sanh !
Ai xui mình gánh một khối tình !
Gớm ghê cho bấy nhiêu sợi tơ mành,
Thương càng thêm rối,
Rối trăm vòng, khôn lần ra mối,
Thiệt lạ cho đời !
Muốn thôi thương
Song mà chẳng đặng với trời ...
Ôi cơ chi gần gủi tấc gang,
Niềm ân ái thở than đôi lời !
Nực buồn cười, ông xanh
Đem buộc mình vô cuộc
Nợ én oanh,
Dày-dặt xuân xanh,
Cho thỏa lòng anh,
E tan khối tình ...

GỞI BẠN XUÂN-THÀNH,

Được tin núi Ngự sông Hương,
Chạnh lòng thươvg ...
Nỗi niềm ân ái
Nhiều đoạn tơ vương,
Bóng má hường,
Lận bận canh trường...
Mấy thu dư, hồn mộng quen đường,
Xa càng thêm nhớ,
Nhớ càng muốn tìm ra cớ
Qua lại Xuân-thành ...
Quá xuân xanh
Sao còn lận bận tơ tình,

Ôi ! cho hay còn nặng nợ ba sinh
Trời xui khiến
Có ta có mình !
Hỏi bạn vàng nhớ không ?
Hôm nọ, ... kề vai độ,
Dạy vài cung,
Hòa, vịnh lung-tung . . .
Phỉ tình chung
Mấy khi tương phùng ! (1)

NAM-BẰNG

Gắng công chờ đợi sông Tương,
Vắng người thương,
Nặng tình trăng gió, vì sợi tơ vương,
Đâu mà gởi đặng can trường . . .
Xa xa trông muôn dặm tin hồng,
Tin càng thêm vắng,
Vắng tin hồng, thêm càng cay đắng,
Lần lựa canh trường,
Gánh tương tư,
Thôi đà gánh nặng khôn lường,
Nhớ khi vành nguyệt tây tương,
Càng thêm nhớ, tiếng ai bên tường !

Bắc dịp cầu cho qua,
Xin cậy hồn Tinh-Vệ, chị Hằng-Nga,
Vì tình đợi ta,
Chuyện gần xa,
Dưới sông Ngân-Hà.

o0o

Đó đây tình nặng ơn sâu,
Dắt dìu nhau,
Một lòng son sắt, đừng nghĩ đâu đâu,
Đá mòn sông cạn, ví dầu,
Nghĩa tương cầu,

---

(1) (Bài nầy của một ông Hội-đồng người Nam, ở C. gởi cho Cô Ba . . . là người ý-trung nhân của ông ,ở Huế).

Trăm năm coi như buổi ban đầu,
Trên đường ân ái,
Thấy chông gai, ta càng hăng hái.
Muôn sự xem thường,
Nếm chua cay,
Nhưng mà hơn mật hơn đường,
Ai cho vàng ngọc không ơn
Bằng xây đắp tấm yêu cho tròn!
Đã nặng lời non sông,
Đau khổ, là hương-vị, của tình chung,
Dày dạt long đong,
Nguyện cùng không,
Đám sai tất lòng!

4.— NAM-AI

HUYỀN-TRÂN CÔNG-CHÚA

Ngoảnh lui cố-quốc, ngập ngừng gót ngọc,
Mây phủ kín trời thương, ngơ ngẩn bâng-khuâng.
Hoa đang độ thanh-xuân, dập vùi, cứu nạn muôn dân,
Không sánh đặng Chiêu-Quân, cho trọn đạo quân thần.
Vẻ chi một đóa yêu kiều, diễm-lệ,
Vàng thau lẫn lộn xót phận hồ-hang.
Gẫm thân bẽ-bàng, kiếp hồng-nhan,
Duyên nợ dở-dang, ôi Phụ-Hoàng!
Vị nghĩa giao-bang, hiếu trung đôi đàng;
Thân ngọc vàng đem vùi cát bụi.
Cho rảnh nợ Ô-ly, ngậm-ngùi kẻ ở người đi,
Cơn nước lửa phò nguy, nát thân sá gì;

HÀN-PHƯƠNG

Ấy ai quên hẹn với mình,
Ra tình hờ hững,
Tu cho khỏe thì hơn,
Bận bịu đa mang!

Đời ít hiệp nhiều tan,
Dây sầu ràng buộc tâm can.
Cho rồi nợ hồng-nhan,
Ôi đau khổ, đàng trăm đàng!
Khuây khoa, bán giận mua cười,
Cho rồi đừng nệ.
Câu ước nguyện đành thôi,
Nước chảy hoa trôi,
Quên đi cho rồi,
Rặc trò chơi, đời chỉ vậy đó mà thôi!
Khi đón mời, khi ngoảnh mặt đó là ai?
Nói thêm dông dài.
(Chi chi cũng tại mình xấu phận!)
Buồn trong hạt sương gieo.
Lệ tình, nhẹ nhẹ rơi theo,
Càng nghe tiếng thông reo,
Xót thân mây bèo!

Nhạc-sĩ BỬU-LỘC

Năm canh xót phận mây bèo,
Khổ nỗi trăm chiều đòi đoạn,
Ôi hỡi bạn đường xa,
Có thấu hay không?
Còn đâu nữa mà trông,
Dã-tràng xe cát, đã dư công!
Mắt nhìn ngọn đèn chong,
Đôi hàng lụy đượm trong đoanh tròng!
Ôi duyên! ôi nợ! ôi tình!
Khéo để cho mình lận bận!
Duyên với nợ trả rồi vay,
Bó buộc cho đây!
Tang thương ai bày,
Chuyện thày-lay nghĩ lại càng hay,
Biết như vầy, xưa chẳng gặp thời hay,
Bể dâu có rày!
(Loan với phụng rẽ bầy xa bạn)!
Nhìn thấy cảnh Bình Hương,

Chạnh lòng nghĩ lại càng thương,
Sầu muôn đoạn tư lương,
Xót xa can trường !

oOo

Biết ai tâm sự như mình, cho mình hỏi thiệt :
Kìa núi Ngự sông Hương, có thú chi không ?
Vừng trăng dọi non đông,
Con thuyền qua lại dòng trong,
Ai ca vịnh bên sông,
Thiệt là lòng đau lòng !
Nhớ khi nâng chén quan hà bợ ngợ,
Nào tãi kỵ tùy ba, có thú chi vui.
Trăm hoa không mùi,
Duyên ngoài môi, nợ cũng ngoài môi,
Ở theo thời, ngó vậy mà chơi.
Khuây khoa với đời !
(Khuây khoa vậy, tấm lòng êm dịu).
Song, ơi bạn mình ơi !
Gẫm rồi ai cũng như ai,
Trong cái cuộc buồn vui,
Khác nhau một chữ hoài.

HỸ-THẦN NGUYỄN-HY

Đêm đông, nhớ bạn ra vào,
Lá gan bào ruột quặn,
Vì cảnh ngộ phải ra đi,
Cách trở non sông ;
Thăng-Long nọ có vui không ?
Chốn Hương Bình, em vọi vọi ngồi trông !
Dầu cách mặt tri âm,
Em cứ giữ dạ, dạ đồng tâm đồng.
Những e cho đó quên lời cùng hẹn,
Không thấu nỗi cho tình đây,
Đất khách mênh mông !

Tưởng thêm đau lòng,
Luống những ngồi trông,
Trằn trọc canh chong,
Gió như đồng, lạnh lẽo phòng không,
Xót xa tấm lòng.
(Trách con Tạo đem lòng cay nghiệt)
Dầu cách trở phương xa,
Giữ một lòng, chẳng dám sai ngoa,
Ai không tỏ cho lòng ta,
Xét soi có trăng già!

oOo

Tin đâu sét đánh lưng Trời,
Ôi thôi rồi! bạn ngọc!
Cơn huyễn mộng, kiếp phù-sinh,
Chỉ có mong manh!
Vén mây hỏi ông Trời xanh,
Nỡ làm cho thỏa lòng ganh,
Đem một án xuân xanh,
Chôn chặt, đành sao đành?
Loan bay, xót kẻ cô phòng,
Luống tuông dần giọt thảm,
Trông mấy cụm liễu dương,
Đau đớn hay chưa!
Hương phai phấn thừa,
Cảnh còn lưa, cảnh cũ còn lưa,
Tưởng bao giờ mường tượng bóng người xưa.
Phách mai bơ sờ!
(Phách mai bơ sờ cũng vì người ngọc!)
Bây giờ đã cách phân,
Cõi trần thêm bận cho thân,
Tìm đâu đặng cố nhân,
Nuốt oan ăn hờn!

oOo

Mênh mông sông rộng non dài,
Xa vời vọi vọi,
Thương những kẻ đàng xa,
Ngủ gió ăn mây!
Điều đâu lạ lùng thay!
Bể cồn dâu vực đời xây!

Càng suy nghĩ càng cay,
Cây cỏ cũng mày châu mày!
Đỉnh chung sao nỡ ăn ngồi, nói cười làm vậy?
Mê theo cuộc giàu sang, che mắt bưng tai!
Thôi thôi, ngán cho đời,
Ai là ai, song tại vì ai?
Ở theo thời, để vậy mà coi,
Nên hư có Trời!
(Đâu lẽ Trời phụ người ngay thẳng!)
Xa dặm liễu đường mai,
Anh hùng, bốn bể là trai,
Đâu miễn đặng thảnh thơi,
Đua chen với đời.

o0o

Xa xuôi, cách mấy năm tròn,
Ruột héo gan mòn, từng đoạn...
Sông dầu cạn, đá dầu trôi, ai nỡ quên ai!
Sanh ra đạo làm trai,
Hà phụ tình, cùng bạn đào mai?
Còn nặng trịu hai vai,
Quân với phụ, đền ta chưa đền!
Ngọn rau tấc đất, nhớ chừng
Ta khó nỗi lấp ngừng lụy đổ,
Thương trăm họ lầm than, Tôn Miếu ngửa nghiêng!
Ái-phi, chớ có phiền, gác tình riêng,
Đừng giận nợ hờn duyên,
Chí dốc nguyền, luyện thạch bổ thiên,
Ái ân mới vẹn tuyền,
(Khi ấy sẽ mây rồng đặng gặp)
Ngoài ngàn dặm xa khơi,
Gởi mấy lời thăm bạn, hỡi ai ơi!
Cơn bĩ cực thái lai,
Gặp nhau có ngày.

o0o

Bóng trăng khuya dọi mơ màng
Với cung đàn chìu chuộng,

Con thuyền mượn dòng Hương,
Rước bạn yêu đương,
Ca ngâm điệu du dương,
Khiến mình càng nể lại càng thương!
Ai dò đặng nguồn Tương,
Sâu với cạn, cạn lường khó lường!
Lăng-tăng nước chảy, đưa hồn
Tới con đường tình mộng...
Sông càng rộng nước càng sâu,
Thêm chạnh đâu đâu!
Ái ân ví dầu, chẳng gần nhau,
Còn hẹn kiếp sau,
Gạt cơn sầu,
Chén rượu gạt dòng châu,
Nước trăng một màu,
Ai tri-kỷ, gởi bầu tâm sự!
Xưa nay chữ đồng-tâm,
Lựa là kết tóc trăm năm,
Còn mối nợ tri-âm,
Câu ca khúc cầm.....

TIÊU TIÊU PHONG VŨ

Điệu Nam-Ai

Bài ca chữ Hán của Cụ Ưng-Bình
Thúc-Giạ-Thị viết năm Quí-Hợi
cuối Thu năm 1923

Tiêu tiêu phong vỡ. . . minh sầu

瀟 瀟 風 雨 鳴 愁
Minh sầu ngũ dạ
鳴 愁 五 夜
Thiêu tận hàn đăng
燒 盡 寒 燈

Bất khẳn miên
不肯眠
Nhứt thanh nhạn ... trường thiên
一聲雁長天
Chi đầu, huyết lụy ... đề quyên
枝頭血淚啼鵑
Yên hỏa đoạn tiền xuyên
烟火斷前川
Cổ độ độ thuyền ... ngủ thuyền
古渡渡船漁船
Tiêu lai ... triều khứ,
宵來朝去
Dương-Đài, Dương-Đài nhiễu mộng
陽臺陽臺繞夢
Thiên vạn tình ty ... tú chẩm biên
千萬情絲綉枕邊
Kim lô ... hương triền
金爐香纏
Ngưng hàn yên
凝寒烟
Tán mạn hàn yên
散漫寒烟
Lý châu huyền ... mạng hồng tiên
理朱絃命紅箋
Mai ba song tiền
梅花窗前
Tương tư hận
相思恨
Thử tình nan tận
此情難盡
Ngâm thất tự trường-thiên
吟七字長篇
Ngâm thành thất tự trường thiên
吟成七字長篇

Trương tục hận trần duyên
張 續 恨 塵 緣
Ký quân Lam-Điền
寄 君 藍 田

5. — KIM-TIỀN

Bắt tay, ngồi lại đây,
Không mấy khi ta gặp bên này,
Cho đó rõ niềm tây,
Lời đắng cay.
Tuy xa đàng, không xa mặt,
Chung tình lại càng vui,
Càng thêm vui.
Ai khéo vui mình gặp,
Một cặp đa tình,
Thiệt tại Trời xui mình.
Hay là đó lối ba sanh,
Hay là đó lối ba sanh,
Xin cho bền dạ, giữ dạ,
Dầu gặp người quen,
Xin cho bền dạ giữ dạ.

o0o

Xa xuôi, gởi lời thăm,
Lúc nhắn nhe, đôi bạn sắc cầm,
Mong kết nghĩa đồng tâm,
Người tri-âm.
Thương nhau hoài, nhớ nhau mãi,
Thương nhau hoài, ai chớ phụ tình ai,
Duyên vầy trúc mai.
Mai trúc mai hòa hiệp,
Hòa hiệp lâu dài,
Thương thời xin đó đừng phai,
Thương thời xin đó đừng phai,

Chớ phai tình tự,
Lại đặng cùng ai,
Chớ phai tình tự. tình tự.

6.— TỨ ĐẠI-CẢNH

Hoa thu cười, trăng thu sáng,
Sông Ngân-Hán, lai láng lưng trời,
Trông hoa động, mường tượng ai như ai,
Gương non Đoài, lần gát giữa nhành mai.
Dầu đã cạn, phai hương phai ...
Quyên kêu dục, châu chan giọt,
Đã tư tưởng tai mày tai,
Nghiên mài lụy, mài lụy đưa tin mai,
Xưa dương-dài, đặng chút thơm rơi,
Mừng sạch vẽ cân đai.
Keo sơn hẹn, trăm năm vẹn,
Lan huệ đều tươi,
Nay tình trạng, đôi đoạn nguôi khốn nguôi,
Nay rồi mai, nay lại rồi mai,
Mượn chén mua vui,
Trằng trằng ôm cây đợi bóng cho bền quai
Dám sai tấc lòng,
Khen cho tài Tạ Đạo vẫn không ai.
Chừng lạc bước thiên-thai,
Thề ngày xưa, tóc đã chấm ngang vai,
Dám sai một lời,
Trăng hoa, mấy phen dỗi dời,
Sự đời, đặng lòng thai khoan thai,
Đua bơi, nước non lâu dài,
Khi bầu rượu tiếng đờn thảnh thơi,
Khi bầu rượu, tiếng đờn thảnh thơi !

o0o

Chen chân vào vòng nhân thế.
Qua dâu bể, ngẫm nghĩ thêm buồn !

Không biết ai tri-kỷ, mà giải son tấm son!
Rời ruột tằm, ngày một héo hon,
Cành hồ thẹn với nước non,
Thương đóa trà, cơn gió bụi,
Bao nhiêu nỗi trần ai!
Ông Hóa-công cay nghiệt,
Dường lại người trêu người!
Vui chi đời, mà bướm lả với ong lơi,
Cho phấn lạt với hương phai!
Đêm thiếp ngồi, nương gối tựa, tay dựa cầm xoan,
Nghe tiếng tơ vàng vãng họ, xự, xang, xê, xang...
Khúc đoạn-tràng, càng khêu mối thảm thương,
Sầu trăm nỗi ngổn ngang!
Người người đâu, sao lại khéo tài danh?
Giống đâu đa tình,
Khiến cho mình trằng trọc đêm thanh,
Cho mòn mõi ngày xanh!
Sầu, sầu riêng, tơ lòng có phải là giây
Vấn vương thế nầy!
Ấy ai, ấy ai trông đợi,
Mờ mịt, mờ mịt, mây sương mây,
Biết bao, ngán ngao canh chầy,
Ai ra về, nhắn nhủ cùng ai,
Ai ra về nhắn nhủ cùng ai.

o0o

Thương trăng tròn, thương trăng khuyết,
Thương tha thiết, trăm mối bên lòng?
Thương đóa hoa vừa nở, dập dìu ong bướm ong,
Thương đóa hoa tàn, lạt phấn phai hương,
Nào ai kẻ buồn trông?
Thương mây bạc, gió đưa xiêu lạc, không biết về đâu!
Thương nước trôi bèo dạt, bèo dạt trôi nơi nao!

Thương số ba đào, chìm nổi lao đao,
Đời vất vả biết là bao ?
Thương chim nhạn, đêm đông kiếm bạn,
Bao quản tuyết sương !
Sương tuyết sương dày dạn, tiếng nhạn kêu thảm thương!
Thương kẻ si tình, theo dõi người thương,
Trông mòn mỏi ngày xanh !
Dành dành thương, thông đỉnh Ngự chiều đông.
Thông reo não nùng !
Gió mưa không ngừng,
Nào bạn tác ngày xuân, ai chịu lạnh cùng thông ?
Ngùi ngùi thương, ca-nhi giữa sông Hương.
Véo von gọi tình, năm canh,
Năm canh đành phải dầu giải,
Dầu giãi sương gió sương ?
Cái thương, sao cứ đoanh bên mình,
Thương chi trọn trăm nghìn mối thương,
Thương đâu vẹn trăm nghìn mối thương !

NƠI MUÔN THUỞ

(Điệu Tứ-đại-cảnh)

Chốn Hương-Bình, nơi thơ mộng, nơi ưa sống vui sống tâm tình.
Xưa thường gọi, thường gọi chốn Xuân-Kinh.
Nơi đất lành trai lịch gái xinh, nơi góp mặt tài danh ;
Nơi yên tịnh, nơi thi vịnh phong cảnh thiên-nhiên.
Nơi dịu hiền đất nước tỉnh Thừa-thiên lòng du-tử khôn quên.
Ai tới đây đầu lạ, đầu lạ quen sau quen
Trông thêm đẹp, trông thêm đẹp cầu sáu nhịp bắc ngang,
Đã chứng minh nhiều cuộc vinh nhục tang-thương đứng vững vàng.
Nhìn mặt nước giòng Hương mà chẳng ngại gió sương,
Đẹp nào hơn khi thuyền nọ sang ngang ;
Một đôi bóng hường dáng mơ-màng, tóc thề bỏ suông-suông làng gió nhẹ mơn man.

Lại dừng chơn trông vời đỉnh Bình-sơn, khuất trong mây ngàn,
miên-man . . . tiếng vang sầu hận nhẹ thoảng-thoảng nhẹ
(hiu) hắt-hiu thông reo, lan trong gió chiều
Đây núi Ngự, đây giòng Hương giang :
Nơi muôn thuở vơi đầy nhớ thương.

TRAI THẾ-HỆ

Trai anh hùng nêu danh tiết,
Trai đất Việt . . . mới thiệt con giòng,
Trải bao nhiêu thế-hệ nào nệ (lung) lao lung.
Nợ tang-bồng là gánh nặng non sông người trai Việt lo chung.

Nên khích lệ trai thế-hệ há dễ ngồi trông
Máu thiêng liêng nồng nhiệt là máu Việt (long) Tiên Long.
Bảo nhau cùng . . . gương liệt-sĩ ngời trong ngàn muôn thuở soi chung.
Trông quốc thổ xin nhắn nhủ sao nghĩa vụ (xong) cho xong.
Chí hiên-ngang đà sẵn...
Tâm hồn nặng (sông) núi sông.
Gắng ghi lòng cho đại cuộc thành-công, toàn dân thỏa ước-mong.
Nệ gì công . . , vì hai chữ tồn vong. . .
Cháu con Lạc Hồng
Xót xa lòng, nguyền đạp hết gai chông cho rõ mặt Tiên-Long.
Dễ lường đong mối tình nặng non sông,
Không lơi giải đồng,
Tiết trung gương trong tồn-tại vững-chải.., mãi mãi với giang-sơn
Muôn dân. . . nêu cao lập trường,
Trai thế-hệ trên đường Quốc-gia
Nghe hùng-dũng
Khúc khải-hoàn vang-ca,

B.L.

7— LÒNG NGẮM

TRĂNG NƯỚC

Trăng soi rạng nước non nhà
Lòng ta chan hòa yêu mến,
Mến yêu như tràn ngập tâm hồn...
Mến lạ thường,
Mến yêu dường thấy...
Nào như thơ như mộng...
Như mơ-màng dịu dàng,
Cảnh gió trăng nghìn thuở,
Tình non sông muôn đời
Mến yêu hoài không chán,
Lai láng bao niềm thương,
Tâm hồn thanh cao muôn vàn.
Vừng trăng trông thêm huy hoàng
Soi phố phường soi muôn đường
Lại tràn lan khắp xóm làng...
Xa gần, trông cây cỏ lại càng
Vừng trăng bao phen khuyết tròn.
Tâm can-tràng vẫn thường
Vạn đời sắt son chi sờn.
Vẫn ánh trăng nghìn thuở
Rực rỡ trời Nam ta...
Thấy trăng kia không?
Trăng soi rạng sơn hà...
Lòng ta.. chan hòa yêu mến.

B.L.

LONG DU-TỬ

Khách du ngoạn
Ai mà chẳng ưa

Hương Bình thanh-tú
Huế thơ thơ . . . mộng-mộng
dân lành, Huế đẹp, tình.
Xa xa chiều vắng
giòng sông xanh trầm lặng
trôi mơ-màng . . . nhẹ-nhàng.
Đẹp, trông thêm càng đẹp
cầu bắc ngang sáu vài
qua bao thời giông tố
nghiêng ngửa đứng bền gan
không sờn, sắt son không sờn.
Lửng lơ gió đưa con thuyền
bồng con thuyền . . . tiếng ca đàn
giữa giòng-Hương
lúc đêm trường . trăng vàng
rơi ánh tỏa dịu buồn.
Để ai chơi vơi tâm-hồn
trống bên đồn . . . điểm dồn
lạnh-lùng, buâng-khuâng canh tàn
Vẫn gió trăng nghìn thuở
Đình Ngự chiều nhớ thông.
Nhớ thông reo mơ-màng
qua bao cuộc . . . vong tồn,
Bình Hương muôn đời thanh-tú.

B.L.

8 — CỔ BẢN

Duyên, thắm duyên càng đượm, vì giống đa tình.
Thêm nhiều ngày, mặn nồng càng xinh,
Bậc khuynh-thành, thiệt là tài danh,
Song duyên kia đừng phụ nào trách chi mình,
Có non thề, nguyện cùng trời xanh,
Lòng dặn lòng cho đành,
Nỗi kiệt mành, kiệt mành.
Thơ nhạn làm tin, đưa tin tháng ngày,

Nguồn ân ái, dám đâu vơi đầy,
Thương càng bắn, lận bận lòng đây,
Vấn vương tình tự, duyên nợ vì đây
Tơ hường khéo xe, thiệt là hay !
Trăng dọi thiềm ba,
Lầu ngọc vừa sáng lòa,
Thơm tho cùng nhà chốn gần xa,
Tiếng đờn hòa ca, ngâm vịnh,
Mời chén quỳnh, say sưa cùng mình sánh tày vai,
Nhơn nhơn nghĩa, nhơn nghĩa lâu dài,
Là vui, dám nào sai.
Tâm đầu ý hiệp, như rứa mấy người ?
Ngọc vô hà Biện-Hòa mới hay,
Một ngày tương-tri, tình si,
Ấy là ai ?
Muôn vàng không nại, mua một tiếng cười,
Gọi mười người như người,
Anh hùng có đâu, dễ là đâu,
Thôi thôi đừng, thôi đừng năn nỉ,
Suy nghĩ thêm sầu,
Mặc ai dầu, lại hầu thương yêu,
Mặn nồng bao nhiêu, đường còn lâu,
Chút tình sâu,
Vui lòng ưa ý, danh lợi chi cầu...

o0o

Dăng, dìu chi trần lụy, rầu héo gan vàng,
Nơi hồng trần, mịt mù càng thương,
Bậc phi thường, lựa là giàu sang,
Công danh kia là nợ, này chớ mơ màng,
Có ra gì, hỏi người hoàng-lương,
Bàn chuyện đời thêm càng
Đoạn can tràng, can tràng,
Ân hận mà chi, đa mang với đời,
Cùng trăng gió, sớm khuya ru hoài,

Khi nhàn hạ, bè bạn làm vui,
Nước non còn rộng, du-lịch là hay.
Trên đời như rứa, có là ai,
Danh lợi trường trung,
Trì trục, thêm rối tơ lòng,
Kìa ai đèo bòng, có thành không ?
Nhớ tự đời xưa Tô-Tử,
Cùng bạn dong thuyền,
Nước non còn truyền thú thần tiên,
Riêng vui dạ, vui dạ giang hồ,
Thú tiều ngư, với cầm thư,
Khi buồn chén rượu, khi tình nước cờ,
Cuộc doanh-hoàn, kể tài người danh,
Mặt đời đua tranh, chút lòng thanh,
Đối trời xanh.
Bâng hồ yên lặng, chi bợn thế tình,
Thiệt là đời riêng mình,
Trên đời là bao, có là đâu !
Trông trông vời, trông vời thiên cổ,
Thanh khí tương cầu,
Đồng tâm đầu, tựa lòng trăng thâu,
Vịnh vài câu, chút tình sâu,
Nhắn cùng nhau,
Tâm tình sau trước, ơi bạn đa sầu...

o0o

Qua chốn xưa nhìn lại, mà bước khôn rời,
Dấu ta ngồi, chuyện trò cùng ai,
Ruột tơi bời cuộc đời vần xây
Khi tuyết mai sum hiệp, thề thốt châu trần,
Biết bao lần, đặng gần người yêu.
Lời hẹn hò, đương còn tạc lòng son, lòng son.
Phong cảnh còn đây, như gây mối sầu,
Kìa non nước, gió trăng khe cầu,
Khi đàm đạo, cùng dạo lần quanh,
Hết nơi rừng rậm, lại hồ xanh,

Chung đầu soi bóng nước đầm thanh.
Chim gọi cành cao,
Xào xạt dường muốn đón chào,
Hoa thơm ngạt-ngào, trước cùng sau.
Trăng dọi đầu non như sững, dòm bạn chung tình
Giao hoan chén quỳnh, ngắm càng xinh !
Riêng suy nghĩ trên đời,
Giờ đường thoi ! Tính mà coi
Trong vòng trăm tuổi, ai sống dai hoài ?
Bực ông Trời, cợt mình mà chơi,
Cách vời đôi nơi ! Trời ơi !
Suốt đời tôi, bao giờ lui hưởng, đêm sướng qua rồi,
Thiệt buồn tình cho mình,
Bao giờ tới đay, thấy mà cay !
Luân luân hồi, luân hồi xin hỏi:
Có khỏi đôi đàng ?
Lệ trăm hàng, một ngàn phần thương,
Lụy tình tơ vương,
Ngồi mà đau, hỏi người sau!
Chân dời qua đó, ai có tri sầu ..

9.— PHÚ-LỤC

Có, có, có trăng sáng, có gió trong
Sẵn sàng, kho vô tàn của chung,
Hồi cao hứng, bước thung-dung,
Ngổn-ngang, mây tan khói hồng,
Càng chạnh lòng bên lòng,
Đua chen mãi, giữa bụi hồng,
Thoi ngày tháng, ném như không
Mưa nắng bao lần, tiết thu lần sang đông !
Ơi ! danh-lợi biết đâu là cùng !
Đừng phụ ngày xuân nồng,
So tơ họa đông,
Khi chờ gió, lúc xem bông,
Ca hát đôi hồi, tiếng tăm dội non sông,,

Giòng khơi chèo nhẹ, thuyền quế tung,
Son, son, son phấn râu mày.
Được vầy, biết hơn mọi ngày,
Rượu đầy, khi ưa bạn thời say,
Vui trong hồi chênh-choáng,
Trái đất xoay.

oOo

Mấy, mấy, mấy năm trước, đóa danh hoa,
Một vùng, tiếng sắc tài đồn xa,
Tình yêu mến khách lân la,
Ngựa xe, xôn xao một nhà,
Đàn vịnh đều hay mà,
So dung mạo dường ngọc ngà,
Mai càng trắng, tuyết thêm pha,
Trông dáng khuê-phòng,
Vốn con dòng danh-gia,
Câu giai-ngẫu, duyên ưa đá vàng,
Tình nặng lời châu toàn,
Công ràng buộc đã lỡ làng,
Ôi tình thế khó lo toan...
Ôi khối chung tình,
Khối chung tình cưu-mang.
Ngày xuân hờ hững, kìa Tiêu-lang !
Vơi, vơi, vơi, non nước quê người
Cuộc đời mua vui gượng cười,
Nghĩ rồi phấn son là trò chơi,
Bút nghiên người thanh khí,
Có mấy ai !

oOo

Mới, mới, mới năm trước, em nhớ không ?
Dạo thuyền, chơi khắp miền non sông...
Vừng trăng chiếu, sóng lung-tung,
Tỏa bay, tóc mây gió lồng,
Nhìn nguyệt, càng nao lòng,
Xin dừng lại, mà đợi cùng,
Khoan đừng gấp, bước thung-dung,

Em khẩn đêm dài, cái đêm dài vui chung,
Thấy trăng lặng, tim em phập-phồng,
Nguồn lụy, tròng đoanh tròng,
Kêu vừng nguyệt, mà dặn phòng :
Cõi trần thế, kiếp long-đong !
Qua chóng cho người,
Biết bao người đương mong,
Còn đây thì nguyệt đừng có trông !
Năm, năm, năm tháng qua liền,
Não phiền, nhớ hôm dạo thuyền,
Cửu tuyền, khó bằng miền tìm nhau,
Thấy trăng tà trên bến,
Khốn ngưng châu...

oOo

Cớ, cớ, cớ chi đó, nên nhớ thương,
Đợi chờ, dưới trên bờ dòng Tương,
Sầu ngao ngán, lứa Thôi Trương,
Đặng không, gắng công dạ trường,
Tình nặng, đà khôn lường,
Chưa vầy lại một đường,
Sao đà cách ngái đôi phương !
Theo bóng trăng tàn,
Tiếng chim nhàn kêu sương,
Lấy tâm sự ngâm câu đoạn-trường,
Mài lụy, trường canh trường,
Hoa dường động, ngoài cạnh tường,
Mượn luồng gió, thấu hơi hương,
Giấc bướm mơ màng, ấy bên màng oan-ương,
Vì tơ Bà Nguyệt mà vấn vương...
Lăng, lăng, lăng líu trăm đàng,
Ngọc vàng, dám đâu phụ phàng,
Một hàng mây ngàn tình thương,
Mối tơ lòng thêm nối,
Mái tây sương.

oOo

GIỮA BỤI HỒNG

Thầy, thầy nghe thầy,
thầy nghe thêm nực cười
Khiến cho người đời phen
ngồi không xuống đứng không yên
lạ quen đua chen ngỡ-ngàng.
Đời muôn mặt, đời lắm tuồng
Say cùng tỉnh đà chuyện thường
Bao màu sắc bấy đau thương
ngao-ngán trăm đường
ôi dâu cồn đa-đoan.
Câu danh lợi như giấc mộng vàng
càng suy nghĩ.. lòng thêm càng
trông cây cỏ mà thẹn thuồng
lo quyền-qúy... sánh thua hơn
năm tháng quay cuồng
đâu tâm-hồn... đâu tâm-can.
Rằng hay... rằng dở rằng khéo khôn...
khôn-khéo.. dăng-díu ai tường
lỡ-làng... khắp muôn nẻo đường
Bụi-hường .. chen chưn mãi càng vương
Luống trông vời non nước
khôn lo toan.

B.L.

10.— LIỄN-BỘ THẬP-CHƯƠNG

I.— PHẨM TUYẾT

Dạo thuyền, gặp lúc trăng,
Nguồn trăng gió,
Kìa, nước mây một lằng...
Bóng trăng soi, ba lại gần.
Dực sầu đòi khi, chạnh vì
Màng loan, bướm ong lững lờ...
Xuân hết thu về, liễu nhắn tơ,

Biết ai có trống cùng đợi,
Song giống đa tình
Đành, sông giải non mài,
Cuộc đời, há rằng một hai,
Chớ đem lòng lợt phai !
Hương lửa, hương lửa dầu đượm,
Thầy trong ngần, một hồ băng !
Không động muôn rừng !
Nào người quen biết,
Xe mối tơ thắm, chuông lầu
Chạnh vì tình xưa,
Ngày dồn thoi én,
Nhạn thơ, vắng đưa,
Lòng lại thêm ngại, ngại,
Dễ mấy ai
Bận lòng thương, toan tính lâu dài,
Dặn lời, dám sai lời.
Tơ duyên, đợi chờ một hai.
Tuy trời, song cũng nơi người...

2 — NGUYÊN TIÊU

Trăng gió, trăng gió thêm chạnh,
Kìa những lời kim ngọc,
Làm sao, vắng tin người ngọc,
Đành lòng sao đáng.
Chạnh xui dạ man mác !
Ghi mấy lâu công dày ơn nặn,
Ân tình với mình mấy ai ?
Mấy đoạn, mấy đoạn căn vặn.
Mối chung tình chia gánh,
Hẹn, chưa cạn chén vàng,
Trằng trọc, chốn thềm hoa mơ màng,
Lúc canh khuya nhớ chàng thêm ngán,
Trăng già, thiệt là trớ trêu !
Nghĩa càng thêm nặng !
Chớ đem dạ đá vàng lợt phai.

3 — HỒ-QUẢNG

Rốn ngồi lúc canh thâu,
Nặng lòng nghĩ vàng đá tình sâu,
Chuyện lo chuyện sầu,
Nghĩ không nghĩ cho nhau mặc dầu,
Trăng dọi bên mái lầu,
Đâu dám đâu thầm cầu,
Có nhau cùng nhau,
Há sầu !

4 — BÌNH-BÁN

Non nước, nguyền non nước,
Xin ai, sánh vai đừng ngại,
Quyết lâu dài, sum vầy trúc mai,
Mấy lời phụ người,
Cùng nhau, trước sau cho vẹn,
Trăm năm chớ đem tình tình lợt phai,
Dầu lại vàng phai, dám nề sai,
Có đâu dời đổi tình ái !
Nhắn khuyên bạn ân tình hãy còn lâu,
Lại dục lòng ta, nhớ người xa.
Bóng trăng tà, gió lồng hơi ba,
Cầm ca, ngâm nga tiệc quỳnh,
Trằn trọc, xe mối vàng đá dựa màn loan,
Giận duyên, buồn riêng,
Chạnh niềm tây, đắng hòa cay,
Châu rơi tương tư càng nặng,
Khéo thay là, những lại qua,
Đêm thanh, vắng tin người ngọc.
Thở than thêm phiền !
Buồn tủi phận, lận bận bèo mây,
Trăng gió, trăng gió đưa tình,
Vừa gặp mình, thiệt trời khéo dành.

5 — TÂY MAI

Tờ đệ bâu áo,
Tình chớ nài,
Dầu có sai mấy lời,
Song khuyên bạn sông cạn,
Miễn cho bền, lòng chớ phiền !
Song đà vương vấn mối duyên !
Một giải đồng tâm,
Vật đổi sao dời,
Dám khuyên bạn.
Tình chớ nài !
Ân tình nào quên
Song đà vương vấn mối duyên,
Ba sanh cho vẹn, mười nguyện,
Ba sanh cho vẹn, mười nguyện !

6 — LIÊN-HƯỜN

Dạo, bên thềm trăng dọi,
Bóng hoa động.
Chuyện xưa vừa nhớ lại...
Mấy ai đặng cho tròn ân ái,
Nguyện non mòn sông giải,
Nắng mưa gió ngành mai,
Trước sau, yêu nhau đừng ngại,
Dặn cùng đó, khuyên đó chờ đợi.
Sen thơm vừa đương hái,
Tưởng người thương tới !
Chi xiết đều phải trái,
Những cay đắng nào nại,
Viếng thăm đôi đường xa ngái,
Vì ai, dám nào sai !
Dặn, chớ đành chớ ngại,
Dặn gìn giữ hai chữ tình ái !

7 — KIM-TIỀN

Ấy ai, lại lòng ai ?
Lại đem buộc cho người để mà chơi.
Song xa đàng, tuy xa mặt,
Có cay đắng, tuy xa mặt,
Có cay đắng, chung tình lại càng vui,
Thương cái duyên cùng phận,
Thiêt trời xui mình !
Xin thề, trên có Trời xanh,
Dầu gặp người quen,
Duyên khéo lại đem buộc cho người,
Càng thêm vui...
Không xa lời,
Nào dám nguôi !
Lận bận theo mình,
Xin thề, trên có trời xanh.
Khá ghi lòng bậu, đừng lậu,
Khá ghi lòng bậu, đừng lậu !

8 – XUÂN-PHONG

Lòng dặn lòng, ai mặc ai,
Chuyện vui cười, người ở đời,
Ai mà cho khỏi mắc vòng nợ duyên !
Thương cứ thương, thôi đừng thôi,
Đừng đem dạ, đem dạ từ chối,

9— LONG-HỒ

Rứa cũng nên,
Lòng chớ phiền ;
Khuyên cùng ai, chớ sai hương nguyền !
Miễn cho bền,
Lửa càng đượm, dám xin giữ gìn.

10— TẦU-MÃ

Cái bèo sen, đà hiệp duyên,
Trăng thề một bên, vầy bạn tiên,
Lúc say tỉnh, mảnh trăng tàn,

Chuyện hiệp tan, màn loan,
Bấy lâu đợi chờ,
Chút duyên tình cờ,
Lúc tình cờ, bây giờ thấy đây !
Một lòng càng xinh,
Có tình với mình ấy ai ?
Ngậm ngùi lúc hương nguyền,
Rượu nghiêng tiệc quỳnh,
Mây nổi đá vàng.
Đêm thâu, người đâu, người đâu?
Người đâu, đã thấy nhau còn ngờ !
Người đâu lại thấy bây giờ !
Ngày xưa, mưa gió thêm nồng,
Song đà vương vấn, vương vấn tơ mành.
Thề non, thề chớ sai lời !

11. — ĐĂNG ĐÀN CUNG

Sông càng rộng càng sâu,
Thời núi càng cao.
Nhìn non nước,
Nhẹ bước anh-hào,
Thợ trời ra công gây dựng,
Công gây dựng đã mấy ngàn năm,
Kìa sơn-thú,
Nọ bóng phi-cầm,
Một vùng xanh xanh rừng rậm,
Ve ngậm vượn sầu.
Non Vu ngời rạng tầng mây,
Hoa thêu động Đào,
Sông càng rộng càng sâu,
Thời núi càng cao.

oOo

Dân Hồng-Lạc mình đây,
Đà bốn nghìn năm
Gây non nước,

Tự trước lâu đời.
Ngọn cờ Hoa-Lư ngời rạng,
Đinh Lê rồi lại Lý Trần Lê.
Rày Nam Bắc
Rộng bước sơn-hà.
Một vùng phong cương gây dựng,
Phân-minh họa đồ.
Hây hây ngày một càng đông,
Yêu nhau một lòng,
Dân Hồng-Lạc mình đây
Đà bốn nghìn năm.

12.— NAM-XUÂN

Nhắn nhe vườn hạnh, ngồi chờ chim xanh
Khéo đưa tình,
Đưa tình đưa lại cho ta, lại cho ta,
Trót đã nặng mà !
Đã gần, xin bạn đừng xa,
Sớm đào tối mận lân la,
Trước còn trăng gió, còn trăng gió,
Sau ra đá vàng !
Loan ôm phụng, phụng thương loan,
Biết bao giờ, cho hiệp mặt mơ màng,
Đã lo toan, vầy hiệp nhân doan,
Mây hồng đưa gởi thơ nhàn, gởi thơ nhàn,
Đưa sang, tình tự thiếp chàng,
Đôi đàng thương nhớ,
Thiếp với chàng, đôi đàng thương nhớ,
Thương nhau phải băng ngàn !
Trót cưu mang, xin cho toàn.
Chớ đem dạ phụ phàng !
Mảnh trăng thề, vằng vặc soi chung,
Dầu thu hết, sang đông đông xin chờ !
Mối chỉ hồng, cậy cùng ông Tơ
Xe giây bà Nguyệt,
Cho duyên nầy hiệp mặt sum vầy,
Đài gương suốt đó đây phỉ nguyền !

13 — GIAO-DUYÊN
HƯƠNG-VỊ ĐỒNG QUÊ

Canh đã sắp tàn
Ơi hỡi chàng (mau) thức dậy
Cơm nước xong rồi
Ta đi cấy ruộng ta.

Ta cấy ruộng ta
Trong gió hòa mưa thuận
Hương lúa thơm lành
Mình vững bụng hết lo

Sống được tự do
An-cư lạc nghiệp
Nước mạnh dân cường
Vui cảnh đẹp thiên-nhiên.

Vui thú điền viên
Không phiền danh lợi
Quanh quẩn xóm làng
Ngày lại tháng qua.

Không chuộng xa hoa
Sống dưa cà bí mướp
Thôn dã quen mùi
Cũng thích hợp lòng quê.

Xuống thuyền lên ghe
Không hề e-ngại
Chiến-sĩ Tự Do
Đã đem lại ấm no.

B.L.

14. — QUẢ-PHỤ

Gởi, gởi đề thi, nhắn với tương tri,
Riêng vì, riêng vì con Tạo,
Tạo làm ri, biết có duyên chi ?
Chạnh tình ai, nhắn với tương tri,
Song tình chim ôi, chim ôi song tình,
Chim còn có bạn ! Mấy thu, phụng cách loan xa,
Song bạn xa, không hay tình nhân lòng bạc,
Bạn thương qua là hay chăng là ?
Thương, thương nhau
Thương thời sống nguyện; xin cho thấy nhau liền !
Ôi tiễu ơi, tiễu sầu ai,
Thương ai may tụ, thương tình ai này tiễu, ôi tiễu, tiễu !
Song tình đinh chiếc bá (à) châu, bá châu, bá châu, châu ?
Ngâm câu thi, ngâm thi thuyền nhĩ,
Tương, tướng lời ghi, vu qui
Bao giờ người tình nhơn
Soi gương loan cho loan... loan loan hiệp mặt
Khi hiệp mặt, soi gương loan,
Bâng khuâng lòng bạn,
Lụy nhỏ hàng trăm hàng !
Soi gương loan, châu sa trăm hàng !
Thương người mặt ngọc, dạ bàng hoàng,
Song thương bạn, đưa tin nhạn,
Tương tương tư, tương tư lời nặng, song lo toan,
Xin cho loan, loan ôm phụng,
Cùng phụng, phụng bồng loan lấy loan !

15. — TƯƠNG TƯ KHÚC
CHIỀU THU NHỚ BẠN

Giữa buổi chiều thu
nơi quê người
ngồi trông tin bạn

Nơi xa-lắc ven trời
mờ in cánh nhạn
ngàn mây trôi lặng.
Buồn vơ vẩn lòng trắc ẩn
bày tỏ cùng ai
sầu thu những đầy vơi.
Nhìn song sưa lá vàng rơi
nước non nào dễ pha phôi.
Còn Hương Ngự còn duyên nợ
lời hẹn còn ghi,
Còn mang nợ cầm thi
Thu ôi ngày ấy chia ly,
nói lời chi
Nhìn nhau cạn chén phân kỳ.

16 — LÝ TỬ-VI (1)

Dầu giãi nắng mưa,
Tử vy dầu giãi nắng sương,
Huê cam (tình như) huê quít, biết thương huê nào !
Anh đây thương huê mận, huê đào
(Huề mận huê đào)
Anh đây thương huê mận huê đào,
Còn bông (tình như) huê cúc, biết vào tay ai ?
Tình-lang ơi, thắm thắm chớ phai !
Tình-lang ơi, thắm thắm chớ phai !
Ham bông (tình) huê lài, mà lại thơm lâu,
Tình-lang ơi chớ phụ huê ngâu,
Chớ phụ huê ngâu ?
Tình-lang ơi ! chớ phụ huê ngâu !

(1) Tử-vi hoa đối tử-vi lang. Thơ Bạch Cư Dị làm tại Tử-vi-sảnh, tức là Nội-Các đời Đường vì ở đó có trồng hoa Tử-vi).

Ham nơi (tình như) phú qúi, lại hầu mẫu-đơn!
Anh tìm em, trăm giận nghìn hờn,
Trăm giận nghìn hờn !
Anh tìm em, trăm giận nghìn hờn !
Ước chừng (tình như) cho đặng, xích gần lại đây !
Có thương, thời xích lại đây.
Thời xích lại đây !
Đừng còn (tình như) tơ tưởng núi mây cơ nghèo.
Trèo lên hòn núi cheo leo.
Hòn núi cheo leo,
Anh trèo lên hòn núi cheo leo,
Cảm thương (tình như) nỗi mẹ, lo nghèo phận em,
Anh tìm em đã khắp núi non.



VIII — CÁC BÀI TẢN-VĂN

CHÙA THIÊN-MỤ

KÍNH-PHỦ

Chùa ở huyện Hương-Trà, xứ Thuận-Hóa, dựng trên một trái đồi phẳng, có cái vẻ đẹp của núi khe. Tục truyền khi xưa nhà phong-thủy khai đào sông núi, thấy có một cụ già bảo người làng dấy dựng chùa để đón các thần thiêng về núi, nhân đặt tên là chùa Thiên-Mụ (bà già nhà Trời).

Đoan-quốc-công Nguyễn-Hoàn xưa có trùng-tu lại, về sau cũng kế-tiếp sửa chữa. Có một cái khánh đá, tiếng lớn và trong, ghi là « Chính-lịch nhị niên tạo ».

Hội-chủ là Thế-tổ Minh-Khang Thái-Vương. Bên cạnh Phật-tọa có bài vị tổ-khảo bảy đời của họ Nguyễn. Khi chúa Nguyễn mất, có người bề tôi là Mỗ đến chùa yết-bái, đề bài thơ ở vách chùa, có hai câu :

Khả liên nhị bách niên cơ-nghiệp,
可憐二百年基業
Bất cập sơn tăng nhất mộng trường.
不及山僧一夢長

Nghĩa là : « Thương thay cơ-nghiệp hai trăm năm, không bằng một giấc mộng của nhà sư trên núi ».

Khoảng năm Cảnh-Hưng, chùa hơi đổ nát, quan Đốc-đồng Hoan-Châu là Bùi-Huy-Bích phụng-chỉ vào Huế tuyên-dụ, thường cùng quan Đốc-thị là Trương-Đăng-Quỹ đi thuyền lên chơi xem, có những câu thơ rằng :

Nguyễn gia thất thế bài không tại

阮家七世牌空在

Tăng xá thiên gian ngoã bán linh

僧舍千間瓦半零

Nghĩa là : bảy đời họ Nguyễn bài-vị còn đây, bao nhiêu gian nhà sư ở, ngói đã trụt mất đến nửa ».

Lại rằng :

Khinh phàm nhất phiến đăng lâm xứ

輕帆一片登臨處

Nhàn phất đài giai duyệt khánh minh

閒拂苔階閱磬銘

Nghĩa là :

« Giương một cách buồm nhẹ lên thăm phong-cảnh, phẩy cái thềm rêu để đứng nhìn bài minh khắc trên tấm khánh ».

Tang-thương ngẫu-lục

Trúc-khê dịch

« Phổ-thông chuyên-san »

Phổ-thông bán nguyệt-san số 6

tháng chạp năm 1943, trang 150-152

CỤNG CHIÊM CÁC TÔN-LĂNG

Ở Kinh mà không đi cung-chiêm các tôn-lăng thì cũng là uổng mất cái công tự Hà-nội về đây. Vả mục-đích tôi về Kinh là muốn xem những cảnh-tượng cũ của nước nhà. Còn cảnh-tượng gì trang-nghiêm hùng-tráng bằng những nơi lăng-tẩm của mấy vị đế-vương ta đời trước ? Không những mấy nơi đó là những nơi thắng-tích đệ nhất của nước ta, mà lại có thể liệt vào bậc những nơi thắng-tịch của thế-giới nữa. Hoàn-cầu dễ không đâu có chốn nhà mồ của bậc vua chúa nào mà khéo hòa hợp cái cảnh thiên-nhiên với cái cảnh nhân-tạo, gây nên một cái khí-vị riêng như não-nùng, như thương nhớ, như lạnh-lẽo, như hắt-hiu, mà lại như đầy những thơ những mộng, khiến người khách vãng-cảnh luống những ngẩn-ngơ trong lòng. Mà cái cảm-giác ấy không phải là người mình mới có, dẫu người ngoại quốc đi du-lịch đến đấy cũng phải cảm như thế. Có người Pháp rất mến cái cảnh những nơi, lăng-tẩm của ta đã từng nói : muốn đi xem lăng phải đi vào những ngày gió thu hiu hắt, trời đông u-ám, thì mới cảm được hết cái thú thâm-trầm. Kể các lăng-tẩm thì nhiều lắm, nhưng trước-danh nhất có bốn nơi : Thiên-thụ lăng (lăng đức Gia-Long), Hiếu lăng (lăng đức Minh-Mệnh), Xương lăng (lăng đức Thiệu-Trị) Khiêm lăng (lăng đức Tự-Đức), bốn nơi ấy là to hơn và đẹp hơn cả. Nơi Thiên-thụ xa nhất, rồi lần lượt đến nơi Hiếu, nơi Xương, nơi Khiêm.

Nói lăng, những người không biết, mỗi người tưởng tượng ra một cách : người thì cho là cái nhà bằng đá lớn, trong đựng quan-quách ông vua ; người thì cho là cái vườn rộng, giữa xây nấm quanh trồng cây ; người thì cho là cái nền to như nơi văn-chỉ, phỗng đá voi ngựa đứng chầu. Nhưng dù tưởng tượng đến đâu cũng không kịp tới cái chân tướng lớn lao. Lăng đây là cả một tòa thành, cả một vùng núi, chớ không phải một khoảng năm ba sào, một khu vài ba mẫu. Lăng đây là gồm cả mầu trời, sắc nước núi cao rừng rậm gió thổi ngọn cây, suối reo hang đá, chớ không phải một cái nấm con con của tay người xây dựng. Lăng đây là bức cảnh thiên-nhiên tuyệt đẹp, ghép thêm một bức cảnh nhân tạo tuyệt khéo. Lăng đây là cái nhân công tô-điểm cho sơn-thủy, khiến

cho có một cái hồn não-nùng u-uất, như phảng-phất trong cung điện âm-thầm, như rì-rào trên ngọn thông hiu hắt. Không biết lấy lời gì mà tả được cái cảm lạ, êm-đềm vô cùng, ảo-não vô cùng, nó chìm đắm người khách du-quan trong cái cảnh tịch-mịch u-sầm ấy. Trong thế-giới chắc còn lắm nơi lăng-tẩm đẹp hơn nhiều, như ở Ấn-Độ có cái mả bà chúa toàn bằng ngọc-thạch, ở Âu-Châu cũng có lắm nơi mộ-địa rất là u-sầm. Nhưng không đâu cái công dựng đặt của người ta với cái vẻ thiên-nhiên của trời đất khéo điều hòa nhau bằng ở đây, cung điện đình-tạ cùng một mầu một sắc như núi non, như cây cỏ, tưởng cây cỏ ấy, núi non ấy, phải có đình-tạ ấy, cung điện ấy mới là xứng, mà cung điện ấy, đình-tạ ấy phải có núi non ấy, cây cỏ ấymới là hợp vậy.

PHẠM QUỲNH

LĂNG ĐỨC GIA-LONG

Đến điện trước rồi mới đến lăng, điện ở bên hữu lăng, gọi la Minh-thành điện. Điện trông rất là nguy-nga, trước mặt có sân rộng trồng mấy cây đại to · lại có một thứ cây không biết tên là gì mà hình rất cổ-kính, thực là hợp với cái cảnh trang-nghiêm ở chỗ ấy. Trèo bệ đá lên cửa điện, bước vào một cái sân rộng nữa, trong bầy mấy cái thống bằng sứ cực lớn. Thường trong các miếu điện ngoài sân hay bày những thống như thế. Chắc là đồ Tàu, nhưng không phải đồ thường, hoặc giả Triều-đình ta khi xưa đặt kiểu riêng tự nơi « thổ-sản » chăng. Vì ngày nay không thấy đâu có những chiếc thống lớn như thế. Hai bên là tả-vu hữu-vu, giữa là chính-điện. Vào chính-điện phải nói với các « mệ » coi trong ấy. Các « mệ » là những bực cung nữ của tiên-đế khi xưa, hoặc là những bực công tôn-nữ trở về già xin vào lăng để trông-nom việc hương lửa hôm mai. Ở lăng Thiên-mụ này chắc không còn những bực cung-nữ nữa.

Trong điện có cái khám đặt bài vị đức tiên-đế, ngoài bày cái sập trải chiếu để những đồ ngự dụng như khi sinh thời : cái khăn mặt, cái thau, bộ đồ trà, cái tráp trầu v.v... Hai bên lại bày những

đồ pha-lê cùng đồ sứ Tây, chắc là những đồ của các ông sứ-thần Pháp đem sang cống vua ta khi xưa. Đại khái cách bài trí trong tẩm-điện các lăng đều như thế cả, chỉ khác nhau có ít hay nhiều mà thôi. Điện lăng Thiên-thụ này là ít đồ bầy hơn cả ; nhiều nhất là điện Khiêm-lăng.

Xem xong trong điện mới ra xem ngoài lăng. Sánh với các lăng kia thì lăng Thiên-thụ là giản-dị hơn cả ; nhưng có cái vẻ hùng-tráng, thực là biểu được cái trí to-tát một ông vua sáng-nghiệp. Bốn bề là núi cả, trong sách nói cả thảy 36 ngọn đều quây quần về đấy. Giữa mấy từng sân đá rộng thênh-thang, thềm cao rồng chạy ; trên một tòa thành tròn ba bề xây như hình cái ngai, trong hai nấm đá hình chữ nhật, tức là mộ đức Thế-tổ Cao hoàng-đế cùng đức Thừa-thiên Cao hoàng-hậu, hai ông bà nằm song song ở giữa khoảng trời rộng núi cao, như muốn chứng cùng với trời đất rằng công ta đã đánh đông giẹp bắc mà gây dựng nên cái nền nhất-thống của nước Đại-Việt này, từ nay vững như bàn-thạch, bền như Thái-sơn vậy. Không có đình, không có tạ, không có lầu, không có đài, chỉ trơ trơ một tấm sân đá mênh mông, ngoài xa hai cột đồng-trụ cao ngất trời ! Hùng thay ! Thực rõ cái chí một bực khai-quốc đại anh, hùng, không ưa những sự hư-văn vô-ích. Phàm lăng là xây tự sinh thời vua, chớ không phải khi vua thăng-hà rồi mới xây, cho nên mỗi cái lăng là biểu tinh-thần tính-cách riêng của mỗi ông vua, tự tay đặt kiểu lấy cái nhà ở sau cùng của mình. Như thế thời lăng Thiên-thụ này thực là tấm gương phản chiếu cái khí tượng anh - hùng của đức Gia-long ta vậy.

Có người cho lăng đức Minh-mệnh là đẹp, có người cho lăng đức Tự-đức là khéo. Tôi lấy lăng đức Gia-long là hùng hơn cả. Nhưng một triều được mấy vua sáng nghiệp ? Công khai sáng chỉ có một đời, mà nền bình-trị thực muôn thủa. Cho nên các lăng sau này có văn vẻ hơn nhiều mà thực là kém bề hùng tráng vậy.

PHẠM QUỲNH

(Trích ở bài « Mười ngày ở Huế » trong Nam Phong số 10).



NHỮNG SÁCH THAM-KHẢO

I.— SÁCH BẰNG VIỆT-NGỮ

— **Phan-Huy-Chú** — *Hoàng-Việt Địa-dư-chí*, Hoa Nguyên Thanh, Đê Ngạn, 1872

— **Cao-Xuân-Dục** — *Sử quốc triều chánh biên toát yếu*, Huế 1925

— **Nguyễn-Bá-Trác** — *Hoàng-Việt Giáp-tí niên-biểu*, Đắc Lập Huế, 1925

— **Trần-Văn-Giáp** — *Cổ-tích của người Việt-Nam ở Huế : Chùa Thiên mụ*, Bulletin de l'Enseignement mutuel du Tonkin, Tome XVI — 1936

— **Dương-Quảng-Hàm** — *Việt-Nam Văn-học Sử-yếu*, Hà-nội, 1943

— **Nguyễn-Văn-Tố** — *Gốc tích thành Huế*. Tạp-chí Tri-Tân số 132 ngày 2-3-1944 và số 139 ngày 20-4-1944.

— **Trần-Trọng-Kim** — *Việt-Nam Sử-lược*, Tân-Việt xuất-bản, Sài-gòn 1949

— **Nguyễn-Văn-Siêu** — *Phương-đình địa dư chí*, Cơ-sở Tự-do, Sài-gòn, 1960.

II.— SÁCH BẰNG HÁN-VĂN

Lê-Quí-Đôn — Phủ biên tạp lục 撫邊雜錄

Quốc-Sử-Quán — Khâm-Định Việt-Sử Thông-Giám Cương-Mục 欽定越史通鑑綱目

Quốc-Sử-Quán — Đại-Nam Thực-Lục Tiền-biên 大南寔錄前編
Đại-Nam Thực-Lục Chánh-biên 大南寔錄正編

Quốc-Sử-Quán — Đại-Nam Liệt-truyện tiền-biên 大南列傳前編
Đại-Nam Liệt-truyện chánh-biên 大南列傳正編

Quốc-Sử-Quán — Khâm-Định Đại-Nam Hội-điển Sự-lệ (Công-Bộ) : 欽定大南會典事例

Cao-Xuân-Dục — Đại-Nam Nhất Thống-chí 大 南 一 統 志 (do Quốc-sử-quán Huế ấn-hành năm Duy-Tân thứ 3 (1910).
Quyển 1 Kinh-sư 京 師
Quyển 2 = Thừa-Thiên (Thượng) 承 天 上
Quyển 3 = Thừa-Thiên (Trung) 承 天 中
Quyển 4 = Thừa-Thiên (Hạ) 承 天 下

III.— SÁCH BẰNG PHÁP-NGỮ

Ardant de Picq. *Les fortifications de la citadelle de Hué.* Bulletin des Amis du Vieux Hué (BAVH), 1924, pp 221-245.

Aurousseau (L). *La première conquête chinoise des pays annamites.* Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient (BEFEO) XXIII.

Bezacier. (L) *L'Art Viêtnamien.* Editions de l'Union française, Paris 1954

Cadière (L) *L'Art à Hué.* Association des Amis du Vieux Hue, Huế 1919

Cadière (L) *Les éléphants royaux.* BAVH 1922, p. 41-102

Cadière (L). *Tombeaux annamites dans les environs de Hué.* BAVH N° 1,1928 p. 1-99 *(317 tombeaux décrits)*

Cadière (L). *La Citadelle de Hué. Onomastique.* BAVH. N° 1-2 Janvier-Juin 1933, p. 67-130.

Cadière (L). *Le changement de costume sous Võ-Vương ou une crise religieuse à Hué au XVIIIè siècle.* BAVH 1915 p 417-424

Cadière (L). *La merveilleuse capitale.* BAVH 1916, pp. 247-272

Cadière (L). *La Porte dorée du Palais de Hué et les Palais adjacents (notice historique)* BAVH 1914, pages 315-335

Cadière (L). *Tableaux chronologiques des dynasties annamites.* BEFEO t.V, 1905 p. 77

Cadière (L) *Le Mur de Đồng-Hới. Etude sur l'établissement des Nguyễn en Cochinchine.* BEFEO, t. VI, 1906.

Cadière (L). et Gras. *L'art à Hué.* BAVH N° 1, 1919, 159 p. 223 pl.

Cadière (L), *Le tombeau de Gia-Long.* BAVH 1923, p. 291.

Claeys (J.Y). *Introduction à l'étude de l'Annam et du Champa.* BAVH N° 1-2 1934

Claeys (J.Y). *Fouilles de Trà Kiệu.* BEFEO. XXVII-XXVIII.

Cosserat. *La citadelle de Huế Cartographie* BAVH 1933, p. I.

Laborde (A) *Les bâtiments du Palais de Huế.* BAVH 1928, pp 153-162

Langrand (G). *Le tombeau de Thiệu-Trị.* BAVH 1939 p. 1-19.

Laubie (Y). *Le décor tonkinois.* Bull. de la Soc. d'Enseignement mutuel du Tonkin, t. XVII, 1938, 21 p.

Lichtenfelder (Ch). *Notice sur le tombeau de Minh-Mạng* BAVH 1937 p. 397-416

Lichtenfelder (Ch) *Notice sur les sépultures des rois d'Annam aux environs de Huế.* F. H. Schneider, Hanoi, 1893.

Maspéro (G) *Le Royaume de Champa.* Editions Van Oest, Paris Bruxelles 1928

Ma Touan Lin, *Ethnographie des peuples étrangers à la Chine, traduction d'Hervey Saint Denys.* Editions H. George Th. Muller, Genève, 1877-1882.

Orband (R) et Cadière (L) *Le sacrifice du Nam-giao* BAVH 1915 p. 79-166 Réédité, ibid. 1936, p.1-105.

Sogny (L). *Les urnes dynastiques du Palais de Huế.* BAVH N° 1.1914 p.16-31

Sogny (L). *Les associés de gauche et de droite au culte de Thế-Miếu* BAVH N° 2, 1914.

Stein (R.A) *Le Lin Yi ! Sa localisation, se contribution à la formation du Champa et ses liens avec la Chine,* Bulletin « Han Hiuê », 1947, Centre Sinologique de Pékin.

Ưng-Trinh. *Le temple des Lettres.* BAVH 1916, P. 365-378.

Võ Liêm, *La capitale du Thuận-hóa (Huế),* BAVH, 1916, 277-288.

